

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:148/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09-5-2019
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Chung

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Trần Thành Hiệp

+ Nguyễn Thị Ngọc Thơ

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: không.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2019 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019; QĐ hoãn phiên tòa số 35/2019/QĐST- HNGĐ ngày 18/4/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ch T K Ng sinh năm 1998; Nơi cư trú: Tổ 9, ấp VT, xã VA , huyện CT, tỉnh AG (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư LVP– Văn phòng luật sư LVP.

Địa chỉ: số 64, Điện Biên Phủ, phường ML, TP LX, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* ĐQH, sinh năm 1998; Nơi cư trú: Tổ 06, ấp HT, xã HBT, huyện CT,AG (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 15/01/2019, quá trình tố tụng nguyên đơn chị Ch T K Ng trình bày:

- Về hôn nhân : Chị và anh ĐQH chung sống với nhau từ đầu năm 2016, hôn nhân do mai mối có tổ chức đám cưới theo phong tục, anh chị không đăng ký kết

hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được khoảng một năm, cuối năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc. Chị và anh H ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh H.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Ch Ph V, sinh ngày 14/01/2017, hiện nay con chị đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung theo qui định pháp luật

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết

- Về nợ chung: Không có

* Tại tờ tự khai ngày 04/3/2019 và quá trình tố tụng, bị đơn anh ĐQH có ý kiến trình bày:

- Về hôn nhân: Anh ĐQH thống nhất với chị Ng về thời gian và điều kiện kết hôn. Anh chị có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn, anh và chị Ng đã thỏa thuận xong việc ly hôn. Nay chị Ng yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Ch P V sinh ngày 14/01/2017, hiện nay chị Ng đang nuôi dưỡng, sau khi ly hôn chị Ng yêu cầu nuôi dưỡng anh đồng ý giao con, về yêu cầu cấp dưỡng theo qui định pháp luật anh không đồng ý. Lý do hiện nay chị Ng đã đổi họ tên con anh, anh đồng ý cấp dưỡng với điều kiện chị Ng phải làm lại giấy khai sinh cho con anh tên ĐQT như ông bà nội đã đặt.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết

- Về nợ chung: Không có

**Ý kiến luật sư:*

- Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Ng và anh H là vợ chồng

- Về con: Giao con cho chị Ng nuôi dưỡng và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con cho đến khi cháu Ph V đủ 18 tuổi,

Tại phiên tòa:

- Chị Ng giữ nguyên yêu cầu ly hôn, chị yêu cầu nuôi con chung, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

- Anh H đồng ý ly hôn, đồng ý cho chị Ng tiếp tục nuôi con và không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Chị Ch T K Ng có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện CT giải quyết về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Anh H có nơi cư trú tại xã HBT, huyện CT AG. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Năm 2016, chị Ch T K Ng và anh ĐQH tổ chức đám cưới theo phong tục, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, đến cuối năm 2017 thì anh chị ly thân. Chị Ng và anh H đều thống nhất anh chị chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, căn cứ xác nhận của Ủy ban nhân dân xã HBT và Ủy ban nhân dân xã VA, CT, AG cũng xác nhận chị Ng và anh H hiện nay không có hồ sơ đăng ký kết hôn tại sổ lục bộ. Hội đồng xét xử nhận thấy, chị Ng và anh H không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn nên áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận chị Ng với anh H là vợ chồng.

2.2 Về con chung: Chị Ng và anh H thống nhất có một con chung tên Ch P V sinh ngày 14/01/2017, hiện nay cháu Phước Vĩnh đang sống với chị Ng. Hiện nay cháu Phước Vĩnh dưới 36 tháng tuổi anh H đồng ý giao cháu Phước Vĩnh cho chị Ng tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thỏa thuận này của anh chị.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Ng yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, anh H không đồng ý cấp dưỡng nuôi con anh cho rằng chị Ng tự ý làm khai sinh cho con mang họ mẹ là Châu Phước Vĩnh nên anh không đồng ý cấp dưỡng. Xét thấy, việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha lẫn mẹ, tại phiên tòa hôm nay chị Ng yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, người nào không trực tiếp nuôi con thì phải cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình buộc anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phước Vĩnh, mức cấp dưỡng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu tại từng thời điểm cấp dưỡng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Phước Vĩnh tròn 18 tuổi và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, tiền cấp dưỡng do chị Ng đại diện nhận.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.3 Về tài sản chung: Không yêu cầu

2.4 Về nợ chung: Không yêu cầu

[3] Về án phí sơ thẩm:

- Chị Ng là nguyên đơn nên phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

- Anh ĐQH phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

[4] Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a, b khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Ch T K Ng.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Ch T K Ng và anh ĐQH là vợ chồng.

- Về nuôi con chung: Chị Ch T K Ng được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Châu Phước Vĩnh sinh ngày 14/01/2017.

Anh ĐQH có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Châu Phước Vĩnh, mức cấp dưỡng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu tại từng thời điểm cấp dưỡng, thời gian cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Vĩnh tròn 18 tuổi và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, tiền cấp dưỡng do chị Ng đại diện nhận.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Chị Ch T K Ng phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014066 ngày 15/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

- Anh ĐQH phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09/5/2019).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện Châu Thành;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án – TAND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Chung